A. MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ - ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM **KHOA LUẬT DÂN SỰ** **BỘ MÔN LUẬT DÂN SỰ**

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC

Loại học phần: ☐ 1. Khối kiến thức chung ☐ 2. Khối kiến thức cơ sở bắt buộc ☐ 3. Khối kiến thức cơ sở tự chọn ☐ 4. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc ☒5. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn	Số tín chỉ: 02 Số tiết học: 30 ▪ Lý thuyết: 30 ▪ Thảo luận/thực hành:
Giảng dạy cho chương trình đào tạo:	TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỐ TỤNG DÂN SỰ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
Học phần tiên quyết	Cá nhân – chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, Luật La Mã
Các yêu cầu khác:	Có thái độ học tập tốt, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm

1. Mô tả học phần

Môn học Giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước tập trung nghiên cứu về căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thiệt hại được bồi thường, thủ tục bồi thường và nghĩa vụ hoàn trả. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước là trách nhiệm pháp lý dân sự thể hiện việc Nhà nước phải gánh chịu hậu quả bất lợi mang tính tài sản mà cụ thể là bồi thường thiệt hại cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại xuất phát từ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong

quá trình thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao. Trên cơ sở lý thuyết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, vấn đề giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được phân tích từ cơ sở lý luận đến thực tiễn thông qua nghiên cứu các bản án, vụ việc thực tế. Đây là một trong những nền tảng của pháp luật dân sự nói chung.

2. Mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra

- Có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước như những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, các nguyên tắc bồi thường, điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng như nghĩa vụ hoàn trả liên quan.

- Có khả năng áp dụng kiến thức để xử lí các vấn đề về nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nói riêng.

- Có khả năng phân tích, bình luận văn bản pháp luật, bản án-quyết định của Tòa án cũng như giải quyết các tình huống pháp lý kết hợp lý luận và thực tiễn.

Chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành Học phần, sinh viên có thể[1]:	
Về Kiến thức	
[CLO1]	Nhớ những kiến thức cơ bản về khái niệm chung luật dân sự Việt Nam, các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015
[CLO2]	Nhớ những kiến thức cơ bản về giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước
[CLO3]	Hiểu thế nào là bồi thường thiệt hại, thiệt hại, hành vi trái pháp luật, mối quan hệ nhân quả.
[CLO4]	Liên kết được những quy định chung của luật dân sự với từng quan hệ dân sự cụ thể.
Về kỹ năng	

[1] **CLO**-Course Learning Outcomes-CĐR của học phần. ***Quy ước***: Số lượng CLO ấn định là 15 và rải đều trên 3 nhóm CĐR như PLO của Chương trình đào tạo cử nhân Luật.

[CLO5]	Phát hiện ra những điểm bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật dân sự; đưa ra chính kiến, nhận xét cá nhân và hướng hoàn thiện.
[CLO6]	Nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu.
[CLO7]	Tập luyện kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng; đàm phán để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật dân sự
[CLO8]	Nhận thức được vai trò quan trọng của luật dân sự đối với đời sống.
[CLO9]	Nâng cao kỹ năng giải quyết vụ việc thực tiễn
Về thái độ	
[CLO10]	Hiểu và tôn trọng sự tự do ý chí và sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự.
[CLO11]	Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu tài liệu tại nhà

Bảng 1. Ma trận tích hợp Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO[2])

CĐR HP	**CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO**														
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**
CLO 1	***1***[3]														
CLO 2			3												
CLO 3				4											
CLO 4						6									
CLO 5						6									
CLO 6							7								
CLO 7							7								
CLO 8								8							
CLO 9								8							

[2] **PLO**-Program Learning Outcomes-CĐR của Chương trình đào tạo: chỉ cần ghi ký hiệu của CĐR theo danh mục CĐR của Chương trình đào tạo cử nhân Luật đã được ban hành.

[mặc dù rất hiếm khi xảy ra], Nếu có tình trạng 1 CLO đáp ứng nhiều PLO, các thầy cô tự động thêm dòng, điền nội dung CLO và điền thông tin.]

[3] Cần nêu rõ mức độ của PLO mà CLO được phân công đáp ứng. ***Quy ước*** theo thang Blom

CLO 10									9						
CLO 11										10					

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

1.1 Khái niệm

1.2 Những đặc trưng cơ bản

1.3 So sánh tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

1.4 Ý nghĩa của giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Chương 2: Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

2.1 Thiệt hại thực tế

2.2 Hành vi trái pháp luật

2.3 Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại

Chương 3: Thủ tục giải quyết bồi thường

3.1 Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ

3.2 Giải quyết vụ án dân sự về yêu cầu bồi thường tại Tòa án

3.3 Giải quyết yêu cầu bồi thường trong vụ án hình sự, hành chính tại Tòa án

Chương 4: Nghĩa vụ hoàn trả

4.1 Căn cứ xác định nghĩa vụ hoàn trả

4.2 Xác định mức hoàn trả

4.3 Giảm mức hoàn trả

4. Tài liệu phục vụ học phần

4.1. Giáo trình chính[4]

- Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

[4] Không sử dụng quá 2 tài liệu giáo trình chính

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam Tập II,* NXB Công an nhân dân.

4.2. Văn bản pháp luật

+ Bộ luật Dân sự năm 2015

+ Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017.

+ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

+ Thông tư 173 - UBTP ngày 23/03/1972 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

4.3. Tài liệu tham khảo thêm

4.3.1. Sách, giáo trình

- Đỗ Văn Đại (2014), *Pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng - Bản án và bình luận bản án Tập 1,2,* NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Đỗ Văn Đại và Nguyễn Trương Tín (2014), *Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước,* NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Huệ (Chủ biên) (2013), *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra theo pháp luật dân sự Việt Nam,* NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- Hoàng Thế Liên (chủ biên) (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2005 Tập I, II,* NXB Chính trị quốc gia.
- Lê Đình Nghị (chủ biên) (2009), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2,* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Quang, Lê Nết và Nguyễn Hồ Bích Hằng (2007), *Luật dân sự Việt Nam,* NXB Đại học quốc gia.
- Phùng Trung Tập (2009), *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng,* NXB Hà Nội.
- Xaca Vacaxum, Tori Aritdumi (Nguyễn Đức Giao, Lưu Tiến Dũng dịch), (1995), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự Nhật Bản,* NXB Chính trị Quốc gia...

4.3.2. Bài viết đăng trên báo, tạp chí, hội thảo khoa học

- Phạm Kim Anh (2003), "Khái niệm lỗi trong trách nhiệm dân sự", *Khoa học pháp lý*, (03).
- Phạm Kim Anh (2009), "Trách nhiệm dân sự và chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong BLDS 2005 - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện", *Khoa học pháp lý*, (06).
- Phan Thị Hải Anh, Điêu Ngọc Tuấn (2014), "Vấn đề xác định thiệt hại trong bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm hại", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (10).
- Trần Việt Anh (2011), "So sánh trách nhiệm dân sự trong hợp đồng và trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (04).
- Phạm Văn Bằng (2013), "Chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, những vấn đề đặt ra khi sửa đổi Bộ luật dân sự 2005", *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, (4).
- Bộ Tư pháp, Vụ pháp luật Dân sự - Kinh tế (2012), *Báo cáo tổng hợp kết quả tọa đàm khoa học về sửa đổi Bộ luật dân sự*, Hà Nội.

- Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo về quan điểm và định hướng lớn trong xây dựng Bộ luật dân sự (sửa đổi*), Hà Nội.

- Nguyễn Văn Cương, Chu Thị Hoa (2005), "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng", *Tạp chí nghiên cứu lập pháp,* (04).

- Đỗ Văn Đại (2010), "Lỗi, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng", *Tạp chí Khoa học pháp lý,* (02).

- Đỗ Văn Đại (2014), "Tác động của các quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 tới pháp luật dân sự", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp,* (11).

- Đỗ Văn Đại, Nguyễn Trương Tín (2013), "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người khác gây ra", *Tạp chí Khoa học pháp lý,* (05).

- Bùi Thị Thanh Hằng, Đỗ Giang Nam (2012), "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tác động của tài sản gây ra dưới góc nhìn so sánh", *Một số vấn đề về pháp luật dân sự - so sánh giữa pháp luật CHLB Đức, Cộng hòa Pháp, Nhật Bản và Việt Nam*, Hà Nội.

- Nguyễn Văn Hợi (2011), "Những hạn chế và bất cập trong việc xác định thiệt hại khi sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* (14).

- Đoàn Đức Lương (2014), "Những khó khăn trong việc xác định chủ thể bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* (20).

- Nhà Pháp luật Việt - Pháp (2011), *Kỷ yếu Tọa đàm Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.

- Nguyễn Minh Oanh (2009), "Khái niệm chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phân loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại", *Trách nhiệm dân sự do tài sản gây ra - Vấn đề lý luận và thực tiễn,* Hà Nội.

- Đinh Văn Quế (2009), "Một số ý kiến về khoản tiền bù đắp về tinh thần do bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín quy định tại Bộ luật dân sự*", Tạp chí Tòa án nhân dân,* (20).

- Lê Văn Sua (2014), "Vài suy nghĩ về Điều 621 Bộ luật dân sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (11).

- Đinh Văn Thanh (2009), "Ý nghĩa, đặc điểm và xác định chủ thể của trách nhiệm dân sự do tài sản gây ra", *Trách nhiệm dân sự do tài sản gây ra - Vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.

- Vũ Hồng Thiêm (2003), "Xác định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của Bộ luật dân sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* (7).

- Nguyễn Trương Tín (2012), "Tham luận Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự

2005", *Thực tiễn thi hành các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 - Những khó khăn, vướng mắc và định hướng hoàn thiện*, TP.Hồ Chí Minh.

- Vũ Thị Hồng Yến (2012), "Bàn về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản gây thiệt hại", *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (11)...

5. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học[5]	Nội dung	Cách thức thực hiện[6]
1	Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Thuyết giảng
2	Đặc trưng và ý nghĩa của giải quyết tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Thuyết giảng
3	So sánh tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Thuyết giảng
4	Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Thuyết giảng + Thảo luận
5	Thiệt hại được bồi thường và thiệt hại không được bồi thường	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
6	Thảo luận và thuyết trình về các vấn đề đã học từ buổi 1 đến buổi 5	Thảo luận
7	Khái quát về thủ tục giải quyết bồi thường	Thuyết giảng

[5] Các GV phân bổ dung lượng bài học theo buổi học sẽ giảng dạy trên thực tế. 1 TC tương đương 15 tiết tín chỉ, 2 tiết TC là 1 ca học. Do vậy, môn có 1TC sẽ có 8 buổi, môn 2TC có 15 buổi, môn 3TC có 23 buổi.

[6] Tham khảo yêu cầu của Điều 4.3 Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019

1. 100% đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

2. Tất cả đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Buổi học[5]	Nội dung	Cách thức thực hiện[6]
8	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ	Thuyết giảng
9	Giải quyết vụ án dân sự về yêu cầu bồi thường tại Tòa án	Thuyết giảng + Thảo luận
10	Giải quyết yêu cầu bồi thường trong vụ án hình sự, hành chính tại Tòa án	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
11	Khái quát về nghĩa vụ hoàn trả	Thuyết giảng
12	Căn cứ xác định nghĩa vụ hoàn trả	Thuyết giảng
13	Xác định mức hoàn trả	Thuyết giảng + Phân tích tình huống thực tiễn
14	Thảo luận và thuyết trình về các vấn đề đã học từ buổi 7 đến buổi 13	Thuyết trình
15	Ôn tập và kiểm tra	Kiểm tra

6. Phương thức đánh giá

Hình thức	Số lượng	Thời điểm	% điểm số	CLO														
				1	2	3	…						10	11	12	13	14	15
Bài kiểm tra tại lớp	1	KT hỏi đáp trên lớp trong tiết giảng lý thuyết	10												x	x	x	
Thảo luận nhóm	1	Bài tập lớn khi thảo luận	20	x	x	x			x									

Hình thức	Số lượng	Thời điểm	% điểm số	CLO														
				1	2	3	…						10	11	12	13	14	15
Thi cuối khóa	1	Cuối khóa	70	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x			x	x

7. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ vào các phương thức đánh giá trên, bộ công cụ và tiêu chí đánh giá (Rubrics) cho từng phương thức đánh giá trong học phần bao gồm:

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
	Dự học trên lớp (50%)	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100(%)	Dự học trên lớp đầy đủ: 75-<90(%)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55-<75(%)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ:40-<55(%)	Dự học trên lớp quá ít: <40(%)
***Rubric 1:* Đánh giá chuyên cần**	**Đóng góp tại lớp (50%)**	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu quả	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp
Rubric 2: Đánh giá bài tập	**Nộp bài tập (20%)**	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
	Trình bày bài tập	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng	Trình bày đúng quy cách, thể	Trình bày lộn xộn, không	Không có bài tập

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
	(30%)	quy cách, thể thức văn bản, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú)	đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	
	Nội dung bài tập (50%)	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; lập luận logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong lập luận, kiến thức.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập
Rubric 3: Đánh giá thuyết trình	**Nội dung báo cáo (50%)**	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video và giải thích cụ	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video/bản trình chiếu	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; hình ảnh minh họa và giải thích chưa rõ ràng	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
		thể kiến thức trên video/bản trình chiếu				
	Trình bày slide (25%)	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, hợp logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định
	Thuyết trình (25%)	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể	Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; đôi lúc tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình	Phần trình bày đầy đủ; âm giọng thấp, một số từ không rõ; sử dụng từ còn phức tạp; chưa có tương tác; thời gian trình bày chưa	Phần trình bày không logic; sử dụng từ không đúng, âm giọng thấp, không rõ; người nghe không hiểu;

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
		hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	bày đúng quy định	đúng quy định	vượt quá thời gian quy định
Rubric 4: Đánh giá báo cáo	**Nội dung báo cáo (60%)**	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; lập luận chi tiết, rõ ràng, hợp lý, có logic chặt chẽ; kết quả lập luận chính xác, được phân tích, giải thích hoàn toàn thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận chính xác nhưng giải thích thiếu cụ thể, ít thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần chưa hợp lý; kết quả lập luận có chỗ chưa chính xác, giải thích không thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần không hợp lý; kết quả lập luận không cụ thể, nhiều chỗ sai, giải thích không thuyết phục	Không có nội dung hoặc nội dung được trình bày trong báo báo không đúng yêu cầu
	Thuyết minh báo cáo (20%)	Có nội dung hoàn toàn phù hợp; cấu trúc logic chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng rất thành thạo máy tính	Có nội dung khá phù hợp; cấu trúc logic khá chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng khá thành thạo máy tính	Có nội dung và trình tự trình bày phù hợp; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú chưa đầy đủ; còn một số lỗi về trình bày và chính tả; sử	Có nội dung phù hợp nhưng trình tự trình bày không hợp lý; hình ảnh, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
		khi trình bày thuyết minh	khi trình bày thuyết minh	dụng được máy tính khi trình bày	dung; nhiều hạn chế trong việc sử dụng được máy tính	cáo
	Biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh (20%)	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú rất hợp lý; thể hiện việc sử dụng thành thạo biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh hợp lý; thể hiện việc sử dụng khá thành thạo công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính;	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh rõ ràng; sử dụng được công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính; có một số lỗi về chính tả.	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không rõ ràng, có chỗ bị thiếu; sử dụng công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính còn nhiều hạn chế	Không có, hoặc biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không đáp ứng yêu cầu, không đúng với nội dung báo cáo
Rubric 5: Đánh giá	**Tổ chức nhóm**	Nhiệm vụ công việc rõ	Nhiệm vụ công việc rõ ràng,	Nhiệm vụ công việc rõ ràng,	Nhiệm vụ công việc của	Không có nhóm hoặc

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
làm việc nhóm	**(30%)**	ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng, phát huy được thế mạnh từng thành viên	phù hợp với khả năng của từng thành viên	nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên	mỗi thành viên không cụ thể	không làm việc nhóm
	Chuyên cần(20%)	Tham gia 90-100 (%)	Tham gia 75-<90 (%)	Tham gia 55-<75 (%)	Tham gia 40-<55 (%)	<40 (%)
	Thảo luận nhóm (30%)	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận nhóm	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận của nhóm	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận của nhóm	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận nhóm	Không tham gia thảo luận nhóm
	Phối hợp nhóm (20%)	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành viên và với nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Có hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; có chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp nhóm; ít chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Không hợp tác và phối hợp nhóm
Rubric 6: Tham gia các buổi	Tổ chức nhóm (20%)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rõ	Mỗi thành viên trong nhóm có nhiệm vụ riêng	Trách nhiệm, việc làm của mỗi thành	Nhóm bị phá vỡ; các thành viên

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
hướng dẫn làm bài tập lớn theo nhóm của giảng viên		rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	những chưa rõ ràng, chưa thật phù hợp với khả năng của mỗi người; sự phối hợp làm việc chưa thật sự tốt	viên nhóm không rõ ràng; không phù hợp với khả năng của mỗi người; chưa có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên	không được phân công nhiệm vụ; không có liên kết, phối hợp nhóm
	Chuyên cần (10%)	90-100 (%)	75-<90(%)	55-<75(%)	40-<55(%)	<40(%)
	Thảo luận (20%)	Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến rất hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến có hiệu quả cho hoạt của nhóm	Có tham gia thảo luận nhóm; một số ý kiến đóng góp có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm; ít có ý kiến đóng góp trong nhóm	Không tham gia và không thực hiện thảo luận nhóm
	Nội dung theo quy định (20%)	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; sử dụng phần mềm lập luận	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; có sử dụng phần mềm lập luận	Nội dung lập luận đầy đủ theo tiến độ quy định; trình tự lập luận hợp lý; một số kết quả lập luận có sai sót, nhầm lẫn	Nội dung lập luận không đầy đủ (<50%); kết quả lập luận có nhiều sai sót, nhầm lẫn; trình tự các bước lập luận	Không có nội dung lập luận

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	**Mức B (7.0-8.4)**	**Mức C (5.5-6.9)**	**Mức D (4.0-5.4)**	**Mức F (0.0-3.9)**
		hợp lý	nhưng chưa thật hợp lý		không hợp lý	
	Trình bày thuyết minh (15%)	Nội dung rất phù hợp; cấu trúc hợp lý; hình vẽ, bảng biểu, chú thích được trình bày khoa học; sử dụng phần mềm trong thuyết minh hiệu quả	Nội dung phù hợp; cấu trúc thuyết minh rõ ràng; ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp; tuy nhiên còn một số lỗi chính tả, nhầm lẫn về ghi chú, giải thích các kiến thức, thông số, bảng biểu…	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu; ký hiệu được sử dụng trong thuyết minh không phù hợp	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài và quá nhiều sai sót
	Bản file kết quả (15%)	Thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học; sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	Thể hiện đầy đủ, đúng nội dung theo yêu cầu; sắp xếp, trình bày file kết quả hợp lý, đúng thể thức văn bản; ghi chú rõ ràng, chi tiết	Thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu song sắp xếp chưa phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày; nội dung file kết quả đúng yêu cầu, ghi chú đầy đủ	Thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng; chi tiết các thành phần, nội dung file kết quả đúng yêu cầu song có nhiều sai sót, chưa đúng về thể thức văn bản; ghi chú không phù hợp	Không có hoặc file kết quả quá sơ sài; nội dung theo yêu cầu không đúng

8. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, theo lịch trình đã có Trình bày đầy đủ và căn bản nội dung theo yêu cầu của từng buổi học
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia lớp đúng giờ, làm bài tập và các công việc khác theo yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp	Đầy đủ, đúng giờ quy định
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, không làm việc riêng
Quy định về học vụ	
Các quy định khác	

9. Thông tin liên hệ

Bộ môn/Khoa phụ trách:	Bộ môn Luật Dân sự, Khoa Luật Dân sự
Văn phòng:	A202, CS Nguyễn Tất Thành
Điện thoại:	02839400989
Người phụ trách:	TS. Nguyễn Phương Thảo
Email:	npthao@hcmulaw.edu.vn

10. Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy

Giảng viên giảng dạy:	
Tên: Nguyễn Phương Thảo	Học vị: Tiến sĩ
Email: npthao@hcmulaw.edu.vn	Số điện thoại cơ quan: 02839400989
Giảng viên hỗ trợ (trợ giảng):	
Tên:	Học vị:
Email:	Số điện thoại cơ quan:
Cách liên lạc với giảng viên:	**Trực tiếp hoặc qua email**

NGƯỜI BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA
Nguyễn Phương Thảo	Nguyễn Phương Thảo	Nguyễn Xuân Quang